

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận các xã, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật;

Căn cứ hồ sơ đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; kết quả thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật ngày 12 tháng 01 năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 34 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Triệu Sơn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Văn phòng HĐND và UBND huyện chịu trách nhiệm công bố danh sách cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022 trên Cổng thông tin điện tử huyện theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Tư pháp và UBND các xã, thị trấn có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh Thanh Hóa (b/c);
- TT HU, HĐND, UBND huyện (b/c);
- Lưu VT, TP.

CHỦ TỊCH

Vũ Đức Kính

**DANH SÁCH XÃ, THỊ TRẤN ĐẠT CHUẨN
TIẾP CẬN PHÁP LUẬT NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2023
của UBND huyện Triệu Sơn)

STT	Tên xã, phường, thị trấn (1)	Tổng điểm (2)	Điểm của từng tiêu chí					Ghi chú
			Tiêu chí 1	Tiêu chí 2	Tiêu chí 3	Tiêu chí 4	Tiêu chí 5	
I	Các xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật							
1	Xã Dân Lực	93.5	10	30	14	16	23.5	
2	Xã Đồng Lợi	93	10	28.5	14	18.25	22.25	
3	Xã Vân Sơn	95	10	30	12	18.5	24.5	
4	Xã Triệu Thành	91.75	10	28.25	12.5	18	23	
5	Xã Thọ Bình	90.75	10	28	13	17.25	22.5	
6	Xã Bình Sơn	90.5	10	27.5	13.5	17	22.5	
7	Xã Dân Lý	93	10	30	14.5	16.5	22	
8	Xã Dân Quyền	92	10	28	13.75	17	23.25	
9	Xã Đồng Tiến	91.25	10	28.5	13	17.25	22.5	
10	Xã Nông Trường	94.5	10	29	13.5	18	24	
11	Xã Thái Hòa	92.25	10	28	12.25	18.5	23.5	
12	Xã Thọ Dân	90	10	27.5	12	17.5	23	
13	Xã Thọ Ngọc	92.5	10	28.25	13.5	16.25	24.5	
14	Xã Thọ Sơn	90.75	10	28	12.25	18	22.5	
15	Xã An Nông	94.75	10	28.5	14.5	17.75	24	
16	Xã Hợp tiến	93.25	10	28	13.5	18.25	23.5	
17	Xã Xuân Lộc	92.25	10	26.5	14.5	17.25	24	
18	Xã Đồng Thắng	91.25	10	27	13	18.25	23	
19	Xã Hợp Lý	91.75	10	27.25	13.25	17.5	23.75	
20	Xã Hợp Thắng	91.25	10	28.5	14	16	22.75	
21	Xã Minh Sơn	93	10	27.25	13.5	18.75	23.5	
22	Xã Thọ Cường	92.5	10	27.75	13	18.75	23	
23	Xã Thọ Phú	92.5	10	28.5	13.25	18.25	22.5	

24	Xã Thọ Tân	86.25	10	28.75	14.5	19	14	
25	Xã Thọ Thế	92.25	10	27.75	13.25	18.5	22.75	
26	Xã Thọ Tiến	92.25	10	27.5	13	18.75	23	
27	Xã Thọ Vực	95.5	10	30	14	18	23.5	
28	Xã Tiến Nông	96	10	30	14.25	17.5	24.25	
29	Xã Xuân Thịnh	94.75	10	30	13.75	18.5	22.5	
30	Xã Xuân Thọ	92.5	10	28.25	12.5	18.5	23.25	
31	Xã Khuyến Nông	91.75	10	27.5	13.25	18.5	22.5	
32	Xã Hợp Thành	95.75	10	30	13.5	18.75	23.5	
II	Các thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật							
1	Thị trấn Triệu Sơn	92.75	10	28.5	13.75	18	22.5	
2	Thị trấn Nưa	93	10	27	13.5	18.75	23.75	